

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-8-2020
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt C.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị L.

2. Ông Phùng Ngọc T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Đ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Q – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q – Sinh năm: 1977.

Nghề nghiệp: Giáo viên; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12.

Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn Nông trường A, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H – Sinh năm: 1960.

Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12.

Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn Nông trường A, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 36, phân trại số 2 Trại giam B, tỉnh Tuyên Quang.

Hôm nay vắng mặt (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13-5-2020 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị Q và anh H có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn với nhau ngày 14-4-2000 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường A, huyện V, tỉnh Hà Giang. Sau khi về chung sống với nhau, chị Q và anh H chung sống hạnh phúc được khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến

năm 2006, thì vợ chồng chị Q và anh H phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là anh H thường xuyên bỏ nhà đi chơi cờ bạc, không chăm lo cho gia đình vợ con, trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng, không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Chị Q và anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Chị Q xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được nữa nên có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Q và anh H ly hôn để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Q và anh H có 02 con chung:

- Cháu Nguyễn Anh Q – Sinh ngày: 20-12-2000.
- Cháu Nguyễn Ngọc H – Sinh ngày: 09-12-2006.

Cháu Nguyễn Anh Q đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Ngọc H đang ở với chị Q. Chị Q có quan điểm sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu H.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29-7-2020: Anh H đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang. Anh H và chị Q trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 14-4-2000 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường A, huyện V, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, chị Q và anh H chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Năm 2014, anh H bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 07 năm tù và phải đi chấp hành án. Nay chị Q có đơn xin ly hôn, anh H nhất trí ly hôn với chị Q để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh H và chị Q có 02 con chung:

- Cháu Nguyễn Anh Q – Sinh ngày: 20-12-2000.
- Cháu Nguyễn Ngọc H – Sinh ngày: 09-12-2006.

Cháu Nguyễn Anh Q đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Ngọc H đang ở với chị Q. Anh H có quan điểm sau khi ly hôn sẽ giao cháu Nguyễn Ngọc H cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu H.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án không tiến hành hòa giải được vì đương sự có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do anh H đang đi chấp hành án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Nguyễn Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Q ly hôn với anh H.

- Về phần con chung: Cháu Nguyễn Anh Q đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Q có quan điểm sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu H.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Nguyễn Văn H vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố toàn bộ nội dung Biên bản lấy lời khai của đương sự và Đơn xin giải quyết vắng mặt của anh Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị Q.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Anh Q đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H có quan điểm sau khi ly hôn sẽ giao cháu Nguyễn Ngọc H cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu H.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, H đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm H đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn H ly hôn.

3. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Ngọc H – Sinh ngày: 09-12-2006 cho chị Nguyễn Thị Q – Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn Nông trường A, huyện V, tỉnh Hà Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Nguyễn Ngọc H trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 24-8-2020. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc H và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

- Cháu Nguyễn Anh Q đã trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.
5. Về án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn H xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 14-4-2000 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường A, huyện V, tỉnh Hà Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, anh H thường xuyên chơi cờ bạc và bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 07 năm tù phải đi chấp hành án tù năm 2014, đến nay vẫn chưa chấp hành xong hình phạt tù. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Q có đơn xin ly hôn với anh H. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh H cuộc sống chung không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh H là phù hợp. Anh H cũng có quan điểm nhất trí ly hôn với chị Q.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Q và anh H có hai con chung:

- Cháu Nguyễn Anh Q – Sinh ngày: 20-12-2000.
- Cháu Nguyễn Ngọc H – Sinh ngày: 09-12-2006.

Chị Q có nguyện vọng sau khi ly hôn, sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc H đến khi cháu Nguyễn Ngọc H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Q không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu H.

Anh H cũng có quan điểm nhất trí giao cháu Nguyễn Ngọc Hà cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Hà trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Hà.

Cháu Nguyễn Ngọc Hà có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Q.

Tòa án xét thấy, quan điểm của chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn H phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc H. Để đảm bảo được cuộc sống, học tập cho cháu Hà cần chấp nhận nguyện vọng của chị Q, anh H và cháu Hà. Giao Nguyễn Ngọc H – Sinh ngày: 09-12-2006 cho chị Nguyễn Thị Q trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 24-8-2020.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi cháu H và có quyền được thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Cháu Nguyễn Anh Quân – Sinh ngày: 20-12-2000 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Q và anh H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn H ly hôn.

3. Về con chung: Giao Nguyễn Ngọc H – Sinh ngày: 09-12-2006 cho chị Nguyễn Thị Q – Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn Nông trường A, huyện V, tỉnh Hà Giang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 24-8-2020.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi cháu H và có quyền được thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Cháu Nguyễn Anh Q – Sinh ngày: 20-12-2000 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Q và anh H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 02450 ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang (Chị Nguyễn Thị Q đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24-8-2020).

Báo cho anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- UBND thị trấn Nông trường A;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt C